

Số: 1868 /LĐTBXH-VL  
V/v trả lời chất vấn của ĐBQH  
tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2017

Kính gửi: Đại biểu Quốc hội Y Khút Niê  
Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Lắk

Sau khi nghiên cứu ý kiến chất vấn của Đại biểu do Tổng Thư ký Quốc hội chuyển đến tại công văn số 550/TTKQH-GS ngày 04 tháng 4 năm 2017 với nội dung “Hiện nay, việc giải quyết việc làm cho sinh viên mới ra trường vẫn đang là vấn đề cấp thiết, nhất là con em sinh sống tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa và người đồng bào dân tộc thiểu số. Vấn đề này gây ra những hệ lụy là thái độ, ý chí học tập của các em học sinh trong vùng giảm xuống, nhiều trường hợp không muốn tiếp tục học cao hơn vì cho rằng học xong cũng không xin được việc làm. Trước thực trạng này, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có những giải pháp gì để khắc phục tình trạng trên”, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

Vấn đề Đại biểu nêu là vấn đề được Chính phủ, ngành lao động - thương binh và xã hội, các bộ, ngành và địa phương cũng như xã hội đặc biệt quan tâm. Ngày 27/11/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1956/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020. Ngày 01/7/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 971/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg nêu trên. Đồng thời, Chính phủ đã giao Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xây dựng “Đề án Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2015-2020”.

Để giải quyết việc làm cho thanh niên, sinh viên mới ra trường, nhất là thanh niên, sinh viên khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, là người dân tộc thiểu số đòi hỏi sự tham gia của các ngành, các cấp và trực tiếp là chính quyền địa phương. Các giải pháp đưa ra tập trung một số vấn đề cốt lõi, cơ bản như sau:

- Nâng cao chất lượng đào tạo đại học, chất lượng dạy nghề và giáo dục cho thanh niên khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đào tạo gắn với nhu cầu sử dụng, đào tạo theo yêu cầu của thị trường. Tăng cường sự tham gia của các doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Thực hiện tốt dự báo thị trường lao động, bao gồm cả dự báo dài hạn 5 năm, 10 năm và thị trường trung hạn, ngắn hạn; Dự báo thị trường lao động trong nước và ngoài nước.

- Thực hiện tốt phân luồng ngay từ trung học cơ sở, trung học phổ thông theo tinh thần Chỉ thị số 10/CT-TW của Ban Bí thư, đi đôi rà soát, quy hoạch,

sắp xếp nâng cao chất lượng với hệ thống các trường, kể cả đại học, trường nghề. Riêng hệ thống trường nghề thực hiện 3 khâu đột phá: tự chủ, kết nối doanh nghiệp, chuẩn hóa.

- Thực hiện có hiệu quả chủ trương hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp theo Nghị quyết số 35/NQ-CP, Nghị quyết số 19/NQ-CP của Chính phủ và chủ trương của Quốc hội.

- Nâng cao năng lực của hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm trong tư vấn, giới thiệu việc làm và định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên; tăng cường phối hợp hoạt động giữa Trung tâm với các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động. Đẩy mạnh kết nối cung - cầu lao động. Tăng cường thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, chính sách về đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài cho thanh niên.

Tại Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020, Chính phủ đã giao cho Ủy ban Dân tộc “chỉ đạo việc tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất đối với người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc gắn kết với hoạt động đào tạo nghề và tổ chức nhân rộng mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn vùng dân tộc thiểu số; Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc tổ chức thực hiện các nội dung Đề án này liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình; Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, giám sát, tổng hợp nhu cầu, kết quả, hiệu quả đào tạo nghề đối với người dân tộc thiểu số”.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trân trọng báo cáo và cảm ơn sự quan tâm của Đại biểu đối với lĩnh vực của Bộ, ngành./s

**BỘ TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ủy ban về các vấn đề xã hội của QH;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Bộ LĐTBXH: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, Cục Việc làm;
- Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ Phục vụ Hoạt động giám sát, VPQH;
- Lưu: VT, VL.

  
**Đào Ngọc Dung**

Số: 689 / TTg-KTTH  
 V/v Trả lời chất vấn đại biểu Quốc hội

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2017

VỤ GIÁM SÁT	
ĐẾN	Số: 214..... Ngày 22 / 5 / 2017
ĐI	Số:..... Ngày..... / ..... / 2017
IV	Số:..... Ngày..... / ..... / 2017

Kính gửi:

- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Đại biểu Quốc hội Cao Đình Thường,  
 Phó Trưởng Đoàn đại biểu tỉnh Phú Thọ

Thủ tướng Chính phủ xin trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội Cao Đình Thường, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Phú Thọ do Tổng Thư ký Quốc hội chuyển đến tại văn bản số 552/TTKQH-GS ngày 04 tháng 4 năm 2017 như sau:

Nội dung chất vấn:

Theo Luật Quản lý nợ công, cơ cấu nợ công của Việt Nam chỉ gồm nợ Chính phủ, nợ được Chính phủ bảo lãnh và nợ chính quyền địa phương. Như vậy, trong nợ công không gồm có nợ của các doanh nghiệp nhà nước. Đề nghị Chính phủ cho biết nợ của doanh nghiệp nhà nước hiện nay là bao nhiêu và mức nợ như vậy cộng với mức nợ công hiện nay của chúng ta thì có tác động hay ảnh hưởng gì không.

Thủ tướng Chính phủ xin trả lời:

Theo Luật Quản lý nợ công (QLNC), cơ cấu nợ công của Việt Nam chỉ gồm nợ Chính phủ (CP), nợ được CP bảo lãnh và nợ chính quyền địa phương.

Đối với nợ của doanh nghiệp nhà nước (DNNN), CP đã có báo cáo số 428/BC-CP ngày 17 tháng 11 năm 2016 báo cáo Quốc hội về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc năm 2015. Theo đó, tổng số nợ phải trả của các DNNN tại thời điểm 31/12/2015 là 1.640.168 tỷ đồng, trong đó nợ vay 755.303 tỷ đồng, chiếm 46% nợ phải trả, còn lại 884.865 tỷ đồng là các khoản nợ khác phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, chiếm 54%.

Về cơ cấu nợ vay của DNNN:

- Vay từ các tổ chức tín dụng trong nước 368.188 tỷ đồng, trong đó dư nợ gốc bảo lãnh CP cho các dự án trọng điểm 37.132 tỷ đồng;
- Vay qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong nước 38.348 tỷ đồng;
- Vay nước ngoài 348.767 tỷ đồng (gồm vay ngắn hạn nước ngoài 38.950 tỷ đồng và vay dài hạn nước ngoài 309.817 tỷ đồng).

Như vậy, phần nợ DNNN đã được tính vào nợ công (bao gồm vay lại, bảo lãnh vay vốn trong nước, bảo lãnh vay vốn nước ngoài) là 256.288 tỷ đồng (bằng 6,1%GDP) theo quy định của pháp luật và được Chính phủ báo cáo các cấp có thẩm quyền, trong đó có đánh giá tác động đến nợ công. Riêng đối với nợ trả nợ phải trả của DNNN theo hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới chỉ tính

nợ tự vay tự trả của DNNN vào nợ công nêu thỏa mãn 3 điều kiện (i) Chính phủ sở hữu trên 50% vốn; (ii) hoạt động thu chi của DNNN được kết cấu trong dự toán NSNN hàng năm; và (iii) Chính phủ cam kết trả nợ thay trong trường hợp các doanh nghiệp mất khả năng trả nợ.

Đối với Việt Nam, DNNN (100% vốn Nhà nước) là công ty TNHH một thành viên, hoạt động bình đẳng với các doanh nghiệp khác theo quy định của Luật DNNN. Nhà nước chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trên phần vốn điều lệ. Các khoản vay theo cơ chế tự vay, tự trả DNNN phải tự chịu trách nhiệm và không thuộc phạm vi nợ công, nợ CP (ngoại trừ khoản nợ của DNNN được CP bảo lãnh). Bên cạnh đó, công tác huy động, sử dụng vốn vay của các DNNN còn tuân thủ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước vào hoạt động sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014.

Đối với khoản tự vay tự trả, nếu gặp khó khăn thì xử lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước vào hoạt động sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Điều 23 Luật này và Điều 20 về huy động vốn của DNNN tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 10 năm 2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp), theo đó: “DNNN sử dụng vốn vay đúng mục đích, tự chịu mọi rủi ro và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình huy động, quản lý, sử dụng vốn vay và trả nợ đúng hạn. Nhà nước không chịu trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản nợ do doanh nghiệp trực tiếp vay, trừ các khoản vay được CP bảo lãnh”. Hơn nữa, trường hợp DNNN gặp khó khăn trả nợ thì xử lý theo quy định của Luật Phá sản, bình đẳng như các doanh nghiệp ngoài quốc doanh khác.

Ngoài ra, Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 9 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội đã khẳng định “không sử dụng NSNN cho quá trình cơ cấu lại DNNN” và “không chuyển vốn vay, bảo lãnh CP thành vốn cấp phát NSNN”. Do đó, việc quy định nợ tự vay tự trả của DNNN không thuộc phạm vi nợ công là đúng với chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước và quy định pháp luật (Luật Quản lý nợ công) hiện hành.

Thủ tướng Chính phủ xin trả lời đại biểu Quốc hội Cao Đình Thương, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Phú Thọ biết./

**Nơi nhận :**

- Như trên;
- TTg, Phó TTg Vương Đình Huệ;
- Bộ Tài chính;
- VPCP: BTCN,  
PCN: Nguyễn Sỹ Hiệp, Trợ lý TTg,  
các Vụ: ĐMDN, QHĐP;
- Lưu: VT, KTTH (3). *ML*

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Vương Đình Huệ**